

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2026/HNGĐ-ST.

Ngày 11 - 02 - 2026.

V/v: “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Man và ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là thư ký tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Trần Ngọc P, sinh ngày 07/05/1991; số CCCD: 037191003259, cấp ngày 07/5/2019, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

* **Bị đơn:** Anh Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 16/10/1990; số CCCD: 035090005966, cấp ngày 19/02/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Cùng địa chỉ: Số nhà 01, tổ 11A, phường PL, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa chị P có đơn xin xử vắng mặt, anh A vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai nguyên đơn chị Trần Ngọc P trình bày: Chị Trần Ngọc P và anh Nguyễn Ngọc A kết hôn vào ngày 02/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (nay là phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình). Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị P và anh A chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp với nhau từ suy nghĩ đến lời nói cũng như cách ứng xử trong cuộc sống hàng ngày, anh A có quan hệ ngoại tình, bỏ bê không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù chị P đã khuyên nhủ, cho anh A cơ hội sửa chữa, hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Tuy vẫn sống chung nhà nhưng cả hai không còn

quan tâm đến nhau nữa. Nay chị P xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh A.

* Quá trình giải quyết tại tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc A có quan điểm: Anh A xác định về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn như chị P đã trình bày. Anh A công nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn phù hợp về tính cách và quan điểm sống do vậy thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ nhau khiến cuộc sống ngày càng căng thẳng. Từ đó cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm. Thời gian gần đây vợ chồng đã không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị P xin ly hôn anh A hoàn toàn nhất trí.

* Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh ngày 01/7/2015; cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 05/10/2017.

Tại bản tự khai và quá trình hòa giải tại tòa, chị P có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A và tự nguyện giao cho anh A chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo N. Chị P không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Tại đơn đề nghị ngày 26/01/2026 chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị là 8.000.000 đồng/tháng.

Khi ly hôn anh A có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Về tài sản chung: Chị P trình bày vợ chồng đã tự thỏa thuận với nhau về tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản tự khai ngày 26/11/2025 anh A có quan điểm vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Sau đó tại biên bản hòa giải ngày 02/12/2025 anh A lại có quan điểm do vợ chồng chưa thỏa thuận giải quyết dứt điểm về tài sản nên anh A đề nghị Tòa án tạo điều kiện về thời gian để giải quyết vấn đề tài sản chung của vợ chồng.

* Về công nợ chung: Vợ chồng thống nhất không có công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quan điểm của chính quyền địa phương: Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị P và anh A theo quy định pháp luật. Chị P và anh A có 02 con chung, khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng chăm sóc con chung theo quy định pháp luật trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu.

* Tại văn bản trình bày ý kiến và biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với cháu Bảo N và cháu Tuấn A thì cháu Bảo N có mong muốn được ở với bố và cháu Tuấn A lại có mong muốn được ở với mẹ.

*** Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:**

Chị P có đơn xin xử vắng mặt, anh A vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng, ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc chấp hành pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và đều vắng mặt tại các phiên tòa không có lý do.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147; 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 51; 55; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc P và anh Nguyễn Ngọc A.

Về con chung: Giao chị Trần Ngọc P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh ngày 01/7/2015; giao anh Nguyễn Ngọc A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 05/10/2017. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Đương sự phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Ngọc A hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 11A, phường PL, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Trần Ngọc P và anh Nguyễn Ngọc A thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Trần Ngọc P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Ngọc A vắng mặt tại phiên tòa lần thứ

hai không có lý do, vì vậy việc xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị P và anh A là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (nay là phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình) nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn anh chị đã cùng nhau xây dựng một gia đình hạnh phúc cùng hai con chung trong khoảng thời gian dài. Đến năm 2022 thì cả hai đều nhận thấy bất đồng trong quan điểm sống, hôn nhân rơi vào trạng thái căng thẳng. Từ đó vợ chồng không còn chia sẻ với nhau mọi vui buồn trong cuộc sống, không san sẻ với nhau về công việc chung trong gia đình khiến tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Ý thức của cả chị P và anh A về việc giữ gìn hạnh phúc để cho các con có một mái ấm cũng không còn. Đến nay tuy vợ chồng sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả chị P và anh A đều nhận thấy không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án cho anh chị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn giữa chị P và anh A là phù hợp pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần xử công nhân thuận tình ly hôn giữa chị P và anh A.

[4] Về con chung: Chị P và anh A đều thống nhất vợ chồng có hai con chung là các cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh ngày 01/7/2015; cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 05/10/2017. Xét nguyện vọng của anh A và chị P đều muốn được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung Hội đồng xét xử thấy: Cả anh A và chị P đều có công việc ổn định và có nguồn thu nhập ổn định, khả năng chăm sóc các con là ngang nhau. Hơn nữa cháu Tuấn A lại có mong muốn được mẹ nuôi dưỡng, chăm sóc; cháu Bảo N có nguyện vọng được bố nuôi dưỡng, chăm sóc. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, cần giao cho mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Cụ thể cần giao cho chị P được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh ngày 01/7/2015; giao cho anh Nguyễn Ngọc A được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 05/10/2017 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị P và anh A mỗi người nuôi một con chung, nên hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung:

Chị P và anh A đều không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về công nợ chung: Các đương sự đều xác định không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 3; Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

[1] Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Ngọc P và anh Nguyễn Ngọc A.

[2] Về con chung: Giao chị Trần Ngọc P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Tuấn A, sinh ngày 01/7/2015; giao anh Nguyễn Ngọc A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Bảo N, sinh ngày 05/10/2017 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi trưởng thành tự lập được hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P và anh A mỗi người phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng). Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai số 0002495 ngày 03/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình, chị P được nhận lại 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, chị P và anh A đều vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
 - UBND phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình
- (ĐKKH ngày 02/12/2014)
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Xuyên